



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 23



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Thanh Hải  
Bà Lê Thị Bích Huệ  
Ông Trần Văn Long  
Ông Mai Văn Minh  
Ông Trần Quốc Tuấn

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 27/04/2014)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Thanh Hải  
Ông Mai Văn Minh  
Bà Lê Thị Bích Huệ

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2015





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.0781; Fax: 04 3577.0787

Email: vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

Số: 108/VACO/BCKT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/03/2015 từ trang 03 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014., Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>100.690.163.163</b>	<b>97.723.543.504</b>
<b>I-</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.090.622.113</b>	<b>865.392.369</b>
1.	Tiền	111		4.090.622.113	865.392.369
<b>II-</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>15.821.664.898</b>	<b>13.384.963.955</b>
1.	Phải thu của khách hàng	131	<b>6</b>	15.896.828.568	13.758.466.101
2.	Trả trước cho người bán	132		468.534.012	200.000.000
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		113.276.370	83.471.906
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(656.974.052)	(656.974.052)
<b>III-</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>80.092.977.763</b>	<b>82.459.456.285</b>
1.	Hàng tồn kho	141		80.092.977.763	82.459.456.285
<b>IV-</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>684.898.389</b>	<b>1.013.730.895</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		591.539.728	481.500.074
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.107.661	514.121.020
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158		57.251.000	18.109.801
<b>B-</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>54.420.213.150</b>	<b>56.016.899.967</b>
<b>I-</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.818.506.553</b>	<b>44.963.710.409</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	43.728.506.553	44.849.710.409
-	Nguyên giá	222		73.317.722.194	69.688.129.911
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.589.215.641)	(24.838.419.502)
2.	Tài sản cố định vô hình	227		90.000.000	114.000.000
-	Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(6.000.000)
<b>II-</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.601.706.597</b>	<b>11.053.189.558</b>
1.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>9</b>	10.601.706.597	11.053.189.558
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>270</b>		<b>155.110.376.313</b>	<b>153.740.443.471</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A-	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>34.218.754.965</b>	<b>44.999.065.697</b>
I-	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.828.954.965</b>	<b>44.999.065.697</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	10	20.215.194.082	30.916.339.584
2.	Phải trả cho người bán	312	11	7.326.598.412	7.703.410.473
3.	Người mua trả tiền trước	313		269.801.508	337.162.123
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.446.751.751	3.033.571.027
5.	Phải trả người lao động	315		2.705.364.837	2.201.685.002
6.	Chi phí phải trả	316	13	190.639.853	103.609.531
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		9.602.157	270.812.931
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		665.002.365	432.475.026
II-	<b>Nợ dài hạn</b>			<b>389.800.000</b>	<b>-</b>
1.	Vay và nợ dài hạn	334	14	389.800.000	-
B-	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>112.598.627.371</b>	<b>100.529.830.415</b>
I-	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>112.598.627.371</b>	<b>100.529.830.415</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		843.774.606	646.751.137
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.010.432.765	1.020.609.893
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.822.420.000	3.940.469.385
C-	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>239</b>		<b>8.292.993.977</b>	<b>8.211.547.359</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>				<b>155.110.376.313</b>	<b>153.740.443.471</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại USD	2.418,48	2.038,75



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng	01		251.288.722.148	225.373.372.103
2. Các khoản giảm trừ	02		2.448.509.051	1.855.838.371
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	16	248.840.213.097	223.517.533.732
4. Giá vốn hàng bán	11	17	211.073.726.178	183.409.390.659
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		37.766.486.919	40.108.143.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.355.702	20.280.724
7. Chi phí tài chính	22	19	2.958.782.371	4.498.168.388
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.861.463.426	3.684.124.138
8. Chi phí bán hàng	24		5.219.536.861	4.990.857.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.049.189.996	9.809.489.258
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		19.550.333.393	20.829.908.313
11. Thu nhập khác	31		761.572.066	347.227.747
12. Chi phí khác	32		348.796.144	24.696.832
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		412.775.922	322.530.915
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.963.109.315	21.152.439.228
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	3.923.566.058	4.492.644.952
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		451.482.960	525.776.485
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		15.588.060.297	16.134.017.791
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		97.352.080	144.198.076
17.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		15.490.708.217	15.989.819.715
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.632	1.700



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	281.024.811.537	247.136.473.536
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(231.185.902.814)	(198.553.324.855)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.141.979.733)	(12.157.802.167)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.909.387.369)	(3.684.124.138)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.783.283.946)	(11.810.709.037)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.217.904.049	144.533.485
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.798.006.783)	(10.716.116.495)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>19.424.154.941</i>	<i>10.358.930.329</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.450.664.897)	(277.912.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	261.910.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.355.702	20.280.724
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(3.177.399.195)</i>	<i>(257.632.003)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	160.788.587.006	173.492.677.182
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(171.099.932.508)	(183.536.373.604)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.710.180.500)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(13.021.526.002)</i>	<i>(10.043.696.422)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.225.229.744</b>	<b>57.601.904</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>865.392.369</b>	<b>807.790.465</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.090.622.113</b>	<b>865.392.369</b>



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 257 người (tại ngày 31/12/2013 là 208 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

**Các bên liên quan**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)**

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền 6 tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	Năm 2014 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	3 - 5

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí điện nước, chi phí kinh doanh khác.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế được phân phối và trích lập các quỹ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	442.841.457	234.068.289
Tiền gửi ngân hàng	3.647.780.656	631.324.080
	<u>4.090.622.113</u>	<u>865.392.369</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyễn Thị Hải Vân	2.852.225.979	3.958.434
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai Electric Works	2.333.577.475	1.530.654.800
Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	1.783.150.547	1.084.733.100
Công ty TNHH Tân Thành	2.103.757.425	2.837.659.000
Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Việt Khoa	1.110.592.562	530.005.926
Công ty TNHH TM và SXĐ Phú Đức Phát	1.043.299.066	1.768.167.807
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	877.608.928	2.815.928.350
Cửa hàng Hưng Chanh	732.547.497	388.046.277
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyệt Trang	579.163.165	-
Doanh nghiệp tư nhân Thuận Phong	397.523.670	397.523.670
Các đối tượng khác	2.083.382.254	2.401.788.737
	<b>15.896.828.568</b>	<b>13.758.466.101</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	34.386.810.850	40.209.568.855
Công cụ, dụng cụ tồn kho	155.166.760	203.130.259
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.830.210.594	4.701.581.902
Thành phẩm	6.269.910.594	6.783.729.655
Hàng hóa tồn kho	35.450.878.965	30.561.445.614
	<b>80.092.977.763</b>	<b>82.459.456.285</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được hàng tồn kho	<b>80.092.977.763</b>	<b>82.459.456.285</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	42.688.023.035	23.677.983.786	3.266.586.090	55.537.000	69.688.129.911
Mua sắm mới	-	1.749.998.585	2.493.178.182	35.000.000	4.278.176.767
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	250.988.130	-	-	-	250.988.130
Thanh lý, nhượng bán	-	(109.526.000)	(790.046.614)	-	(899.572.614)
Số dư tại 31/12/2014	<u>42.939.011.165</u>	<u>25.318.456.371</u>	<u>4.969.717.658</u>	<u>90.537.000</u>	<u>73.317.722.194</u>
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	9.505.205.534	13.990.632.150	1.342.581.818	-	24.838.419.502
Khấu hao trong năm	2.803.754.177	2.181.246.059	400.193.116	14.607.400	5.399.800.752
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(18.233.443)	(478.979.015)	-	(497.212.458)
Giảm khác (i)	(151.792.155)	-	-	-	(151.792.155)
Số dư tại 31/12/2014	<u>12.157.167.556</u>	<u>16.153.644.766</u>	<u>1.263.795.919</u>	<u>14.607.400</u>	<u>29.589.215.641</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2014	<u>33.182.817.501</u>	<u>9.687.351.636</u>	<u>1.924.004.272</u>	<u>55.537.000</u>	<u>44.849.710.409</u>
Số dư tại 31/12/2014	<u>30.781.843.609</u>	<u>9.164.811.605</u>	<u>3.705.921.739</u>	<u>75.929.600</u>	<u>43.728.506.553</u>

**Ghi chú:** (i) Giảm khác trong năm là khoản điều chỉnh khấu hao năm 2010 theo Quyết định của thanh tra thuế số 1534 ngày 2/6/2014.

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2014 là 7.593.871.920 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 7.617.671.797 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại 31/12/2014 là 16.224.312.703 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 16.795.820.948 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do loại trừ lãi lỗ chưa thực hiện trong giao dịch góp vốn bằng tài sản của Công ty mẹ vào Công ty con và giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty mẹ và Công ty con.

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.601.706.597	11.053.189.558
	<b>10.601.706.597</b>	<b>11.053.189.558</b>

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.068.794.082</b>	<b>30.916.339.584</b>
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng (i)	15.368.251.775	30.916.339.584
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (ii)	4.700.542.307	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>146.400.000</b>	<b>-</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng (iii)	146.400.000	-
	<b>20.215.194.082</b>	<b>30.916.339.584</b>

**Ghi chú:**

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014-HĐTDHM/NHCT-166-ĐCHP ngày 28/7/2014 với hạn mức cho vay 55.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì mức cho vay từ ngày 28/7/2014 đến ngày 25/7/2015. Mục đích sử dụng: thanh toán các chi phí thuộc tài sản ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh quạt điện. Lãi suất cho vay ưu đãi được áp dụng kể từ ngày ký hợp đồng này đến khi có thông báo mới của bên cho vay là 7%/năm. Thời hạn tối đa của các khoản tín dụng là không quá 5 tháng. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 99.13.257.1813703.TD với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng ngày 26/12/2013, hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến hết ngày 31/12/2014. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng (L/C) phục vụ cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh quạt điện, động cơ, thiết bị điện năm 2013-2014 của Điện cơ Hải Phòng. Lãi suất vay cụ thể trên từng khế ước nhận nợ từng lần. Thời hạn tối đa của các khoản tín dụng là không quá 5 tháng. Hợp đồng này được gia hạn bởi hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 32.14.257.1813703 ngày 27/01/2015, hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/01/2016.

(iii) Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng. Chi tiết xem Thuyết minh số 14 - Vay dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Tân Thành	3.525.895.736	1.652.877.591
Công ty TNHH Dây và cáp điện Luckysun	788.717.050	-
Công ty TNHH MTV Hoa Bửu	353.100.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thành Nghĩa	333.437.986	236.287.113
Công ty TNHH Vạn Đạt	323.898.029	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng - Thương mại Khánh Lâm	266.854.889	6.360.475
Công ty TNHH TM - DV Dương Tường Giang	251.368.400	565.173.840
Công ty TNHH cơ khí Hoàng Huy	238.494.168	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp và TM Lidovit - CN Hà Nội	174.857.529	151.561.463
Công ty TNHH Sơn bột tñnh điện Akzo Việt Nam	153.817.400	459.124.186
Công ty TNHH Cơ khí Đúc gang chuyên hải	146.850.000	21.120.000
Công ty TNHH Sơn bột Đại Phú	137.029.602	67.999.800
Công ty TNHH Ống thép 190	130.714.523	42.066.026
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	-	2.900.700.000
Công ty TNHH Sản xuất TM & DV Trường Long Giang	-	944.350.000
Các đối tượng khác	501.563.100	655.789.979
	<b>7.326.598.412</b>	<b>7.703.410.473</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	57.511.858	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.317.414.893	3.032.444.952
Thuế thu nhập cá nhân	71.825.000	1.126.075
	<b>2.446.751.751</b>	<b>3.033.571.027</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	29.821.340	77.745.283
Chi phí phải trả khác	160.818.513	25.864.248
	<b>190.639.853</b>	<b>103.609.531</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (i)	389.800.000	-
	<b>389.800.000</b>	<b>-</b>

Ghi chú: (i) tại ngày 22 tháng 8 năm 2014, Công ty ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32.14.257.1813703.TD với Ngân hàng TNCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 585.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên ngày 21/08/2014. Khoản vay chịu lãi suất theo điều chỉnh từng thời điểm trên từng khế ước nhận nợ (Lãi suất kỳ đầu tiên trong năm 2014 là 8,8%/năm) và được trả hàng kỳ bắt đầu từ ngày 25 và kết thúc ngày 24 tháng sau. Mục đích vay là để bổ sung vốn mua 01 xe ô tô tải Hino (Cabin Chassi). Công ty dùng xe ô tô tải thùng kín 3 chỗ, nhãn hiệu HINO biển kiểm soát 15C-097.82 để thế chấp cho khoản vay này. Giá trị còn lại của tài sản bảo đảm tại 31/12/2014 là 864.867.500 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trong vòng 1 năm	146.400.000	-
Từ năm thứ 2 đến thứ 5	389.800.000	-
	<b>536.200.000</b>	
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	146.400.000	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>389.800.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

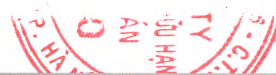
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2013	94.922.000.000	646.751.137	1.070.154.053	(12.049.350.330)	84.589.554.860
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.989.819.715	15.989.819.715
Tăng/(giảm) khác	-	-	(49.544.160)	-	(49.544.160)
Số dư ngày 01/01/2014	94.922.000.000	646.751.137	1.020.609.893	3.940.469.385	100.529.830.415
Lãi trong năm	-	-	-	15.490.708.217	15.490.708.217
Phân phối lợi nhuận	-	197.023.469	213.410.394	(761.097.602)	(350.663.739)
Giảm do phạt thuế	-	-	(223.587.522)	-	(223.587.522)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.847.660.000)	(2.847.660.000)
Số dư ngày 31/12/2014	94.922.000.000	843.774.606	1.010.432.765	15.822.420.000	112.598.627.371

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2014	01/01/2014	
Cổ phiếu phổ thông:			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ là 94.922.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	251.288.722.148	225.373.372.103
<i>Các khoản giảm trừ</i>		
- Chiết khấu thương mại	(2.443.829.051)	(1.803.695.371)
- Hàng bán bị trả lại	(4.680.000)	(52.143.000)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>248.840.213.097</b>	<b>223.517.533.732</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hàng bán	211.073.726.178	183.409.390.659
	<b>211.073.726.178</b>	<b>183.409.390.659</b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.472.480.033	90.640.887.442
Chi phí nhân công	14.740.096.580	15.505.361.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.688.924.083	6.949.247.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.050.452.263	3.904.192.854
Chi phí khác	2.204.746.082	2.845.020.288
	<b>122.156.699.041</b>	<b>119.844.709.137</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	1.861.463.426	3.684.124.138
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.561.990	96.389.754
Chiết khấu thanh toán	1.017.431.208	717.616.725
Chi phí tài chính khác	325.747	37.771
	<b>2.958.782.371</b>	<b>4.498.168.388</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty mẹ</i>	16.586.287.610	16.047.938.793
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	16.586.287.610	16.047.938.793
Thuế suất	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ</i>	3.648.983.269	4.011.984.699
<b>Công ty con</b>		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty con</i>	1.248.103.586	1.922.641.011
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.248.103.586	1.922.641.011
Thuế suất	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con</i>	274.582.789	480.660.253
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất</b>	<b>3.923.566.058</b>	<b>4.492.644.952</b>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	15.490.708.217	16.134.017.791
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	1.632	1.700
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	20.604.994.082	30.916.339.584
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.090.622.113	865.392.369
Nợ thuần	16.514.371.969	30.050.947.215
Vốn chủ sở hữu	112.598.627.371	100.529.830.415
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>14,67%</b>	<b>29,89%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.090.622.113	865.392.369
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.696.156.834	13.184.963.955
	<b>18.786.778.947</b>	<b>14.050.356.324</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	20.994.794.082	30.916.339.584
Phải trả người bán, phải trả khác	7.336.200.569	7.974.223.404
Chi phí phải trả	190.639.853	103.609.531
	<b>28.521.634.504</b>	<b>38.994.172.519</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

*Rủi ro về tỷ giá*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.090.622.113	-	4.090.622.113
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.696.156.834	-	14.696.156.834
	<u>18.786.778.947</u>	<u>-</u>	<u>18.786.778.947</u>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Vay và nợ	20.215.194.082	389.800.000	20.604.994.082
Phải trả người bán, phải trả khác	7.336.200.569	-	7.336.200.569
Chi phí phải trả	190.639.853	-	190.639.853
	<u>27.742.034.504</u>	<u>389.800.000</u>	<u>28.131.834.504</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>8.955.255.557</u>	<u>389.800.000</u>	<u>9.345.055.557</u>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	865.392.369	-	865.392.369
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.184.963.955	-	13.184.963.955
	<u>14.050.356.324</u>	<u>-</u>	<u>14.050.356.324</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Vay và nợ	30.916.339.584	-	30.916.339.584
Phải trả người bán, phải trả khác	7.974.223.404	-	7.974.223.404
Chi phí phải trả	103.609.531	-	103.609.531
	<u>38.994.172.519</u>	<u>-</u>	<u>38.994.172.519</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>24.943.816.195</u>	<u>-</u>	<u>24.943.816.195</u>

Chênh lệch thanh khoản thuần âm là do Công ty sử dụng vốn vay để mua hàng hóa, nguyên vật liệu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với khả năng tiêu thụ hàng hóa của Công ty như hiện nay có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	877.986.235	763.391.115


**24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2015

  
Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu